

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TBV22B1** Năm học: **22-23**
Mã môn học/ Mô đun: **MH01074** Học kỳ: **02**
Tên môn học/ Mô đun: **Giáo dục thể chất**
Số tín chỉ: **1**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	2256201161340	Trần Thanh Danh	29/11/2005				9	9.0	6.0			9.0		8.5
2	2256201161343	Chau Sóc Rơn	05/01/2004				8	10.0	7.0			7.0		7.6
3	2256201161344	Phan Thành Long	09/12/2007				7	7.0	7.0			0.0		2.8
4	2256201161345	Trần Nhựt Trường	12/07/2004				9	10.0	6.0			5.0		6.3
5	2256201161346	Phan Thị Kim Tiền	06/05/2006				0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
6	2256201161390	Trần Trung Cường	05/10/2007				9	10.0	5.0			10.0		9.1
7	2256201161391	Nguyễn Thái Dương	28/04/2004				9	8.0	7.0			5.0		6.1
8	2256201161393	Đặng Thành Hiếu	20/08/2007				7	8.0	7.0			7.0		7.2
9	2256201161394	Huỳnh Trung Huy	26/05/2007				7	10.0	6.0			9.0		8.5
10	2256201161395	Nguyễn Văn Huy	11/03/2007				9	8.0	5.0			8.0		7.6
11	2256201161396	Đoàn Chấn Khang	20/07/2007				7	10.0	9.0			5.0		6.6
12	2256201161397	Nguyễn Thanh Ngọc	02/03/2000				10	10.0	10.0			8.0		8.8
13	2256201161398	Trần Thị Yến Ngọc	11/05/2007				6	7.0	5.0			6.0		6.0
14	2256201161400	Võ Thanh Phong	12/03/1999				9	10.0	8.0			6.0		7.2
15	2256201161401	Chau Rích	29/12/2004				7	9.0	7.0			6.0		6.7
16	2256201161403	Trần Minh Tính	20/07/2005				7	8.0	8.0			5.0		6.1
17	2256201161404	Nguyễn Phước Toàn	19/10/2003				9	9.0	9.0			6.0		7.2
18	2256201161405	Hồ Minh Triết	01/07/2007				9	10.0	8.0			6.0		7.2
19	2256201161406	Phạm Luân Bền Vững	11/05/2006				9	7.0	5.0			6.0		6.2
20	2256201161407	Nguyễn Ngọc Tường Vy	30/08/2006				0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0

Châu Đốc, ngày 19 tháng 4 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Phạm Phúc Lâm